

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 793/2020/DS-PT  
Ngày 24/8/2020  
V/v Tranh chấp lỗi đi chung

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Ngọc Hoa

*Các Thẩm phán:*

Ông Nguyễn Minh Quang

Bà Phạm Thị Thảo

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà Phạm Thị Bích Lương – Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:*** Ông Nguyễn Văn Hoàng – Kiểm sát viên.

Ngày 24/8/2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 331/TLPT-DS ngày 08 tháng 6 năm 2020 về “Tranh chấp lỗi đi”;

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 85/2020/DS-ST ngày 16/4/2020 của Tòa án nhân dân huyện F, Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo;

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 3449/2020/QĐPT-DS ngày 07/7/2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 8322/2020/QĐ-PT ngày 05/8/2020 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Ngọc V, sinh năm 1988; cư trú tại Đường A, Phường B, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

- *Bị đơn:* Ông Lê Văn T, sinh năm 1955; cư trú tại số 52/5C Ấp D, xã E, huyện F, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp: Bà Lê Thị Hoàng V, sinh năm 1976; cư trú tại 52/5 Ấp D, xã E, huyện F, Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. NLQ1, sinh năm 1960; cư trú tại 52/5 Ấp D, xã E, huyện F, Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

2. NLQ2; cư trú tại 52/5B Ấp D, xã E, huyện F, Thành phố Hồ Chí Minh (đề nghị xử vắng mặt).

3. NLQ3, sinh năm 1968; cư trú tại 52/5 Ấp D, xã E, huyện F, Thành phố Hồ Chí Minh (đề nghị xử vắng mặt).

4. NLQ4, sinh năm 1981; cư trú tại 52/5A Ấp D, xã E, huyện F, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

5. NLQ5; cư trú tại 52/5C Ấp D, xã E, huyện F, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

6. NLQ6; cư trú tại số 52/5F Ấp D, xã E, huyện F, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

7. NLQ7 (vắng mặt).

8. NLQ8 (vắng mặt).

Cùng trú tại: Số 51/4 Đường D1, Ấp D, xã E, huyện F, Thành phố Hồ Chí Minh.

9. NLQ9; cư trú tại Đường A, Phường B, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh (đề nghị xử vắng mặt).

*Người kháng cáo:* Ông Lê Văn T, là bị đơn.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*\* Theo đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Nguyễn Ngọc V trình bày:*

Vợ chồng ông Nguyễn Ngọc V và NLQ9 là chủ sở hữu, sử dụng đối với nhà đất tại địa chỉ 51/4A Ấp D, xã E, huyện F, Thành phố Hồ Chí Minh trên phần đất thuộc thửa 545 tờ bản đồ số 27 bộ địa chính xã E, huyện F, Thành phố Hồ Chí Minh. Nhà đất này ông V, bà T đã được UBND huyện F cấp Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CD 284452 (số vào sổ cấp GCN: CH 00878) ngày 18/8/2016.

Căn nhà của ông V chỉ có một lối đi duy nhất là con đường D 2A. Hiện trạng con đường là hẻm cụt có chiều rộng 5m, chiều dài khoảng 200m. Trên tuyến đường D 2A hiện nay có các căn nhà cùng sử dụng phần đất này làm lối đi gồm:

1/ Căn nhà số 51/4A Ấp D, xã E, huyện F do vợ chồng ông V, bà T quản lý sử dụng.

2/ Căn nhà số 52/5F Ấp D, xã E, huyện F do NLQ6 quản lý sử dụng.

3/ Căn nhà số 52/5C Ấp D, xã E, huyện F do ông Lê Văn T quản lý sử dụng.

4/ Căn nhà số 52/5 Ấp D, xã E, huyện F do NLQ1 quản lý sử dụng.

5/ Căn nhà số 52/5B Ấp D, xã E, huyện F do NLQ2 quản lý sử dụng.

6/ Căn nhà số 51/5C Ấp D, xã E, huyện F do NLQ5 quản lý sử dụng.

7/ Căn nhà số 51/5A Ấp D, xã E, huyện F do ông NLQ4 quản lý sử dụng.

8/ Căn nhà không số, Ấp D, xã E, huyện F do NLQ3 quản lý sử dụng.

9/ 01 dãy phòng trọ do NLQ2 quản lý cho thuê.

Đầu năm 2017, ông Lê Văn T cho rằng phần đất làm con đường là đất của gia tộc ông T, do đó ông T cố tình đặt những chậu cây cảnh trước cửa nhà ông V nhằm ngăn cản không cho gia đình ông V sử dụng con đường D 2A làm lối đi chung.

Việc ông T ngăn cản không cho ông V sử dụng phần đất là con đường D 2A làm lối đi chung đã dẫn đến gia đình ông V không có lối đi ra, vào nhà. Vì vậy, ông V khởi kiện yêu cầu Tòa án xem xét buộc ông T không được đặt để cây cảnh gây cản trở gia đình ông V sử dụng con đường D 2A làm lối đi chung.

*Tại bản tự khai và các lời khai trong suốt quá trình tham gia tố tụng bị đơn ông Lê Văn T trình bày như sau:*

Phần đất hiện nay ông V tranh chấp là con đường đi của anh chị em trong gia tộc ông T. Phần đất này nằm trong tổng số diện tích 5.400m<sup>2</sup> do cha của ông T là ông Lê Văn B mua từ trước giải phóng. Trước đây ông Lê Văn B cho các anh chị em là bà Lê Thị T1, ông Nguyễn Văn G và ông Lê Văn N mỗi người 1.000m<sup>2</sup>, phần còn lại do ông Lê Văn B quản lý sử dụng. Trên phần đất diện tích 5.400m<sup>2</sup> ông B có chừa 1 phần đất (ngang 5m dài hết đất) làm con đường đi cho con cháu trong gia tộc cùng sử dụng đi chung.

Năm 2004 ông Lê Văn B còn sống đã lập Tờ tương phân tiến hành chia đất cho các con mỗi người một phần để cất nhà ở. Đối với phần đất là con đường (ngang 5m, dài hết đất) trong gia đình thống nhất dành làm lối đi chung, không chia riêng cho cá nhân nào thừa hưởng. Hiện nay các anh chị em trong gia đình ông T đã đăng ký quyền sở hữu, sử dụng đối với phần đất được ông B phân chia. Riêng phần đất là con đường dùng làm đường đi chung, không ai đăng ký quản lý sử dụng.

Phần đất là con đường hiện nay là hẻm cụt có tên gọi là đường D 2A với chiều rộng 5m, chiều dài khoảng 200m. Trên con đường này có tất cả 07 căn nhà và 01 dãy nhà trọ gồm:

1/ Căn nhà số 52/5F Ấp D, xã E, huyện F do NLQ6 quản lý sử dụng.

2/ Căn nhà số 52/5C Ấp D, xã E, huyện F do ông Lê Văn T quản lý sử dụng.

3/ Căn nhà số 52/5 Ấp D, xã E, huyện F do NLQ1 quản lý sử dụng.

4/ Căn nhà số 52/5B Ấp D, xã E, huyện F do NLQ2 quản lý sử dụng.

5/ Căn nhà số 51/5C Ấp D, xã E, huyện F do NLQ5 quản lý sử dụng.

6/ Căn nhà số 51/5A Ấp D, xã E, huyện F do ông NLQ4 quản lý sử dụng.

7/ Căn nhà không số, Ấp D, xã E, huyện F do NLQ3 quản lý sử dụng.

8/ 01 dãy phòng trọ do NLQ2 quản lý cho thuê.

Căn nhà của ông V trước đây là phần sau của căn nhà 51/4 Đường D1, Ấp D, Bà Điểm, huyện F, Thành phố Hồ Chí Minh do vợ chồng NLQ7 và NLQ8 quản lý sử dụng. Căn nhà 51/4 Đường D1, Ấp E, huyện F từ trước đến nay có hướng mặt tiền là đường Đường D1. Năm 2016 ông V mua phần sau của căn nhà 51/4 Đường D1, Ấp E, huyện F, sau đó ông V tiến hành thủ tục hợp thức hóa đối với phần diện tích nhà, đất đã mua và trở cửa căn nhà ra đường D 2A.

Ông T cho rằng phần đất làm con đường D 2A là đất của gia tộc ông T dành làm lối đi chung cho con cháu trong gia tộc, không phải là đất của nhà nước, gia tộc ông T chưa hiến đất làm đường cho Nhà nước. Mặt khác, phần nhà đất ông V mua từ ông B1 và bà H có lối đi hay không là do ông V thỏa thuận với ông B1 và bà H, các anh chị em trong gia đình ông T không có trách nhiệm dành lối đi cho căn nhà của ông V. Do đó, ông V không được quyền sử dụng con đường này làm lối đi chung, đề nghị Tòa án bác yêu cầu của ông V.

*Tại bản tự khai và các lời khai trong quá trình tham gia tố tụng của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan - NLQ1 như sau:*

NLQ1 hoàn toàn thống nhất với ý kiến của ông Lê Văn T đã trình bày, ông T và NLQ1 là anh em và đều là con trai của ông Lê Văn B. Phần đất là con đường D 2A hiện nay có nguồn gốc đất của ông Lê Văn B. Trước đây khi tiến hành chia đất cho các con, ông Lê Văn B để dành phần đất này làm lối đi chung cho tất cả con cháu cùng sử dụng, không phân chia cho cá nhân nào thừa hưởng. Việc ông V mua nhà của ông B1 và bà H có lối đi hay không là do ông V thỏa thuận với ông B1 và bà H, các anh chị em trong gia đình NLQ1 không có trách nhiệm dành lối đi cho căn nhà của ông V. Hiện nay phần đất là con đường vẫn thuộc quyền quản lý sử dụng của các anh chị em trong gia đình NLQ1, do đó ông V không được quyền sử dụng con đường này làm lối đi chung. Đề nghị Tòa án bác yêu cầu của ông V.

*Tại bản tự khai và các lời khai trong quá trình tham gia tố tụng của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan - NLQ8 như sau:*

Nhà đất tại địa chỉ 51/4A Ấp D, xã E, huyện F, Thành phố Hồ Chí Minh trên phần đất thuộc thửa 545 tờ bản đồ số 27 bộ địa chính xã E, huyện F, Thành phố Hồ Chí Minh của vợ chồng ông V, bà T có nguồn gốc do vợ chồng NLQ7 và NLQ8 bán cho ông V vào năm 2016. Tại thời điểm hai bên mua bán, phần diện tích nhà đất này là 1 phần phía sau của căn nhà 51/4A Ấp D, xã E, huyện F, Thành phố Hồ Chí Minh do vợ chồng ông B1, bà H xây dựng vào năm 2002 đã được UBND huyện F cấp sổ nhà theo Thông báo tạm cấp sổ nhà ngày 26/11/2004. Sau khi mua nhà, ông V tiến hành thủ tục hợp thức hóa phần diện tích nhà đất đã mua và được UBND huyện F cấp Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CD 284452 (sổ vào sổ cấp GCN: CH 00878) ngày 18/8/2016.

Toàn bộ căn nhà 51/4A Ấp D, xã E, huyện F, Thành phố Hồ Chí Minh của vợ chồng ông B1, bà H sử dụng lối đi là đường Đường D1, sau khi bán 01 phần diện tích nhà đất phía sau cho ông V thì phần nhà đất còn lại của ông B1, bà H sử dụng lối đi là đường Đường D1, còn phần nhà đất của ông V có mặt tiền hướng ra đường D 2A và chỉ có một lối đi duy nhất là con đường D 2A.

Việc mua bán nhà giữa ông V và vợ chồng ông B1, bà H đã hoàn tất, hiện nay vợ chồng ông B1, bà H không còn liên quan đến nhà đất đã bán cho ông V. Do đó, trong vụ kiện này vợ chồng ông B1, bà H không có ý kiến hay yêu cầu gì liên quan con đường D 2A.

*Tại bản tự khai và các lời khai trong quá trình tham gia tố tụng của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan - NLQ7 như sau:*

Ông B1 hoàn toàn thống nhất với nội dung ý kiến do bà H trình bày. Việc mua bán nhà giữa ông V với vợ chồng ông B1, bà H đã hoàn tất, hiện nay ông V đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất đối với phần diện tích nhà đất đã mua. Do đó, ông B1 không còn liên quan đến nhà đất đã bán cho ông V. Trong vụ kiện này ông B1 không có ý kiến hay yêu cầu gì liên quan con đường D 2A. Do tuổi cao sức yếu nên ông B1 xin vắng mặt không tham gia các buổi hòa giải cũng như xét xử tại Tòa án.

*Tại bản tự khai và các lời khai trong quá trình tham gia tố tụng của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan - NLQ9 như sau:*

Bà T hoàn toàn thống nhất với phần trình bày của nguyên đơn ông Nguyễn Ngọc V và yêu cầu Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông V, buộc bị đơn ông Lê Văn T không được cản trở gia đình bà T sử dụng con đường D 2A làm lối đi chung.

Bản án dân sự sơ thẩm số 85/2020/DS-ST ngày 16/4/2020 của Tòa án nhân dân huyện F, Thành phố Hồ Chí Minh đã tuyên:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Ngọc V:

Buộc ông Lê Văn T không được cản trở gia đình ông Nguyễn Ngọc V, NLQ9 sử dụng lối đi chung là phần đất (đường D 2A) tại một phần các thửa 338, 395 tờ bản đồ số 5 (TL 02/CT-UB) tọa lạc xã E, huyện F, Thành phố Hồ Chí Minh.

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo và nghĩa vụ thi hành án của các đương sự.

Ngày 28/4/2020, bị đơn có đơn kháng cáo toàn bộ Bản án dân sự sơ thẩm số 85/2020/DS-ST ngày 16/4/2020 của Tòa án nhân dân huyện F, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết hủy toàn bộ Bản án dân sự sơ thẩm số 85/2020/DS-ST ngày 16/4/2020 của Tòa án nhân dân huyện F.

Tại phiên toà phúc thẩm, bị đơn đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bị đơn, hủy bản án dân sự sơ thẩm, vì bản án sơ thẩm dựa vào phê duyệt của Ủy ban nhân dân huyện F cho rằng đây là đường đi chung nhưng việc phê duyệt trên của UBND Huyện F không có ý kiến đồng ý của ông T. Gia đình ông T đang khiếu nại yêu cầu UBND Huyện F trả lời bằng văn bản về việc này. Ngoài ra cấp sơ thẩm chưa xem xét kỹ việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Nguyễn Ngọc V.

Nguyên đơn đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm vì yêu cầu kháng cáo của ông T là không có cơ sở. Khi ông mua nhà đều thông qua ông T và gia đình ông T và đã có con đường này là đường đi chung.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: NLQ1 đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông T.

*Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tại phiên tòa:*

- Về tố tụng: Trong giai đoạn phúc thẩm, Thẩm phán chủ tọa, Thư ký, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Những người tham gia tố tụng đã được thực hiện đúng, đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Kháng cáo của bị đơn không có cơ sở, bản án dân sự sơ thẩm số 85/2020/DS-ST ngày 16/4/2020 của Tòa án nhân dân huyện F đã xử đúng pháp luật, đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, gồm: NLQ2, NLQ3, NLQ4, NLQ5, NLQ6, NLQ7 NLQ8, NLQ9 đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ quyết định xét xử, giấy triệu tập tham gia phiên tòa phúc thẩm đến lần thứ 2 nhưng đều vắng mặt. Căn cứ Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự trên.

[2] Xét kháng cáo của bị đơn – ông Lê Văn T :

[2.1] Căn cứ Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CD 284452 (số vào sổ cấp GCN: CH 00878) do UBND huyện F cấp cho ông Nguyễn Ngọc V và NLQ9 ngày 18/8/2016 xác định ông V và bà T là chủ sở hữu, sử dụng đối với căn nhà số 51/4A Ấp D, xã E, huyện F, TP. Hồ Chí Minh và phần đất diện tích 61,2m<sup>2</sup> thuộc thửa 545 tờ bản đồ số 27 bộ địa chính xã E, huyện F, TP. Hồ Chí Minh.

[2.2] Căn cứ hồ sơ cấp Giấy chứng nhận của ông V, bà T thể hiện phần đất này có nguồn gốc của NLQ7 sử dụng và được UBND huyện F cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ 414/Q3 ngày 09/12/2003 thửa đất số 367-1 tờ bản đồ 05 diện tích 460m<sup>2</sup>, mục đích sử dụng là thổ vườn. Căn nhà số 51/4A Ấp D, xã E, huyện F, TP. Hồ Chí Minh do NLQ7 tự xây dựng không phép vào năm 2002. Năm 2004 căn nhà của ông B1 được UBND huyện F tạm cấp số 51/4A theo Thông báo số 3050/TB-UB-QLĐT ngày 26/11/2004. Năm 2005 ông B1 tự xây dựng lại nhà và bán lại cho ông Nguyễn Ngọc V vào tháng 02/2006 bằng giấy tay. Sau đó ông V xin hợp thức hóa nhà đất và được UBND huyện F cấp Giấy chứng nhận số CD 284452 (số vào sổ cấp GCN: CH 00878) ngày 18/8/2016.

[2.3] Căn cứ Sơ đồ hiện trạng vị trí nhà đất và Biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 15/8/2017 thể hiện căn nhà 51/4A Ấp D của ông V, bà T sử dụng có mặt tiền là đường D 2A. Tiếp giáp phía sau căn nhà 51/4A của ông V, bà T là căn nhà 51/4 Ấp D, xã E, huyện F, TP. Hồ Chí Minh của NLQ7 sử dụng có mặt tiền đường Đường D1.

[2.4] Về nguồn gốc phần đất tuyến đường D 2A: Theo Công văn số 913/UBND ngày 09/4/2018 của UBND xã E, huyện F và Công văn số 2047/CN.HM ngày 29/5/2018 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện F thì phần đất (đường D 2A) có chiều rộng 5m, dài 200m thuộc một phần thửa 338, 395 tờ bản đồ 05 (TL 1998); theo tài liệu số 02/CT-UB do ông Lê Văn B đăng ký sử dụng (thửa 395) và bà Lê Thị H đăng ký sử dụng (thửa 338), phần lối đi này được hình thành từ trước năm 1998; theo tài liệu năm 2005 (sổ dã ngoại) thể hiện là đường đi; theo bản đồ địa chính xã E năm 2005 thể hiện là đường đi; theo Phê duyệt số 102/UB-D ngày 20/12/2006 của UBND huyện F, tuyến đường này được phê duyệt với tên gọi là đường D 2A. Hiện nay phần đất (tuyến Hậu Lân 2A) là đường đi chung của khoảng 10 căn nhà.

[2.5] Căn cứ lời khai của đương sự và nội dung Tờ tương phân đề ngày 21/6/2004 do ông Lê Văn T cung cấp thể hiện khi còn sống ông Lê Văn B đã lập Tờ tương phân tiến hành chia đất cho các con mỗi người một phần để cất nhà ở. Đối với phần đất là con đường (ngang 5m, dài hết đất) trong gia đình thống nhất dành làm lối đi chung, không chia riêng cho cá nhân nào thừa hưởng.

[2.6] Từ những tài liệu, chứng cứ trên có cơ sở xác định dù nguồn gốc đất làm lối đi là đất của ông Lê Văn B nhưng lối đi này đã có từ trước năm 1998 và gia đình ông Lê Văn B đã thống nhất làm lối đi chung. Thực tế lối đi hiện nay vẫn tồn tại và là tuyến đường D 2A, tại các Giấy chứng nhận của các cá nhân, hộ gia đình có nhà trên tuyến đường này đều thể hiện phần đất này là con đường. Mặt khác, theo trình bày của đương sự và xác minh tại địa phương thì ngoài lối đi là đường D 2A, căn nhà 51/4A Ấp D của ông V và bà T không còn lối đi nào khác. Do đó, án sơ thẩm đã xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn - ông Nguyễn Ngọc V buộc bị đơn ông Lê Văn T không được đặt đồ vật dụng, cây cảnh trước cửa nhà ông V gây cản trở gia đình ông V sử dụng con đường D 2A là có căn cứ, đúng pháp luật.

[2.7] Về án phí dân sự sơ thẩm: Tòa án cấp sơ thẩm đã tuyên đúng quy định của pháp luật.

[2.8] Xét việc bị đơn, kháng cáo đề nghị cấp phúc thẩm hủy án sơ thẩm nhưng trong giai đoạn phúc thẩm cũng như tại phiên tòa phúc thẩm không chứng minh được cơ sở nào để hủy án sơ thẩm theo qui định tại Khoản 3 Điều 308; Điều 310 Bộ luật Tố tụng dân sự. Do đó, không có cơ sở chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn. Án sơ thẩm đã xử đúng pháp luật nên giữ nguyên.

[3] Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh nêu ý kiến và đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn, giữ y án sơ thẩm. Ý kiến và đề nghị trên của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

[4] Về án phí dân sự phúc thẩm: kháng cáo của bị đơn không được chấp nhận, căn cứ khoản 1 Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự qui định đương sự kháng cáo phải chịu án phí dân sự phúc thẩm nếu Tòa phúc thẩm giữ nguyên bản án sơ thẩm bị kháng cáo trừ trường hợp được được miễn. Xét bị đơn thuộc trường hợp được xét miễn án phí theo qui định của Luật người cao tuổi và điểm đ Điều 12; Điều 14; khoản 6 Điều 15, khoản 2 Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Do đó, bị đơn không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

*Vì các lẽ trên;*



## **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ Điều 147, Điều 148, khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 169, Điều 254 Bộ luật dân sự 2015; Điều 6, Điều 95, Điều 166, Điều 170, Điều 171, Điều 203 Luật đất đai năm 2013; Điều 2 Luật Người cao tuổi năm 2009; Điều 27, Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án;

1. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn – ông Lê Văn T.

2. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 85/2020/DS-ST ngày 16/4/2020 của Tòa án nhân dân huyện F, Thành phố Hồ Chí Minh.

2.1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Ngọc V: Buộc ông Lê Văn T không được cản trở gia đình ông Nguyễn Ngọc V, NLQ9 sử dụng lối đi chung là phần đất (đường D 2A) tại một phần các thửa 338, 395 tờ bản đồ số 5 (TL 02/CT-UB) tọa lạc xã E, huyện F, Tp.HCM.

2.2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Bị đơn ông Lê Văn T được miễn án phí đối với yêu cầu của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận.

- Hoàn trả lại cho nguyên đơn ông Nguyễn Ngọc V số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 (ba trăm ngàn) đồng theo Biên lai thu tiền số 0030904 ngày 30/5/2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện F.

3. Án phí dân sự phúc thẩm: Ông Lê Văn T được miễn án phí dân sự phúc thẩm.

4. Trường hợp bản án, quyết định thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014), thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

**Nơi nhận:**

- TAND Tối cao;
- TAND Cấp cao tại Tp.HCM;
- TAND huyện F;
- VKSND Tp.HCM;
- VKSND Cấp cao tại Tp.HCM;
- Cục THADS Tp.HCM;
- Chi cục THADS huyện F;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ (20).

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thị Ngọc Hoa**